

Chinese 101: Lesson 2

9/10/2019

Pinyin

- ▶ Initials

d, t, g, k, f

- ▶ Finals

ei, ou, an, ang, eng, iao, iou(-iu)



Spelling Rules

▶ **i**ào → **y**ào

▶ **i**óu → **y**óu

▶ l + ióu → liú



Spelling Rules

- ▶ Tones are always marked on top of vowels.
 - When there is a single vowel: tā, má, lǐ, lìng
 - Where there is more than one vowel, follow the following order:
a >> o >> e >> i >> u >> ü
 - examples: diān, táo, tiě, ài



exceptions

Exceptions: for ui combination, mark the second vowel.

Examples: liù, huì



Pinyin drills

1. 拼音 Spelling

dē dōu dān dāng

tē tōu tān tāng

gē gōu gān gāng

kē kōu kān kāng

⁻¹ bēi bān bēng biāo

pēi pān pēng piāo

fēi fān fēng diū

hēi hān hēng niū



Pinyin drills

四声 The four tones

| | | | | |
|------|------|------|------|-------------|
| tā | | tǎ | tà | |
| mēn | mén | | mèn | tāmen |
| wō | | wǒ | wò | wǒmen |
| nī | ní | nǐ | nì | nǐmen |
| nān | nán | nǎn | nàn | |
| pēng | péng | pěng | pèng | |
| yōu | yóu | yǒu | yòu | nán péngyou |
| bū | bú | bǔ | bù | |
| | máng | mǎng | | bù máng |
| gē | gé | gě | gè | gēge |
| dī | dí | dǐ | dì | dìdi |
| hē | hé | | hè | |
| kā | | kǎ | | |
| fēi | féi | fěi | fèi | hē kāfēi |



Pinyin drills

dāo (knife)

dào

tǔ (soil)

tù

yòu

yǒu (to have)

ní

nǐ

liù (six)

liǔ

kàn(to see)

kǎn



Pinyin drills

dà (big)

tà

kě

gě

kǒu (mouth)

gǒu (dog)

dōu (all)

duō (many)

gēn

gēng

dīng (nail)

tīng (to listen)



Pinyin drills

yǐnliào

kělè

hànbǎo

píngguǒ

yéye

mèimei

fāyīn

hēibǎn

bǎohù

píng hé

ménhù

lǜbà

lǎohǔ

fēngdù

míngào

tángguǒ

